

Phụ lục 1

PHỤ LỤC TÊN ĐƠN VỊ TRÚNG THẦU VÀ GIÁ TRÚNG THẦU

Gói thầu số 3: Mua sắm tập trung thủy tinh thể nhân tạo cho các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế từ Quý III năm 2024 đến hết Quý II năm 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVM ngày tháng 10 năm 2024 của Bệnh viện Mắt Bình Định)

Tên nhà thầu: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y KHOA TÂM AN

Địa chỉ: Số 338/27 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 04, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0707010994

Email: phamvantranhup94@gmail.com

Mã số thuế: 0312920901

STT	Mã HH	Mã phần/lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại/tên thường dùng/tên Tiếng Anh (nếu có)	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Chủng loại (model) / Mã sản phẩm	GPLH/ GPNK	Hãng sản xuất - Nước sản xuất	Hãng /nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VND)	Thành tiền (VND)	Mã vật tư theo QĐ 5086/QĐ-BYT
1	1	PP2400125905	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 3 tiêu cự	Thủy tinh thể nhân tạo mềm ba tiêu cự Pod F GF (FineVision HP) kèm dụng cụ đặt nhãn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba tiêu cự, một mảnh</li> <li>- Thủy tinh thể có chất liệu Acrylic kỵ nước (acrylic hydrophobic) không có hiện tượng Glistening</li> <li>- Thủy tinh thể có màu vàng, lọc ánh sáng xanh và lọc tia cực tím (UV)</li> <li>- Thủy tinh thể có thiết kế phi cầu hai mặt lõm</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số khúc xạ: 1,53</li> <li>- Thủy tinh thể có thiết kế càng 4 điểm tựa kiểu C kép với công nghệ càng chống dính Ridgetech độc quyền</li> <li>- Thủy tinh thể có chiều dài 11,40mm</li> <li>- Thủy tinh thể có đường kính quang học: 6mm</li> <li>- Dụng cụ đặt cung kèm theo thủy tinh thể qua được vết mổ từ 2,1mm đến 2,2mm</li> <li>- Thủy tinh thể đảm bảo dải công suất từ +10D đến +35D bước nhảy 0,5D</li> <li>- Vùng quang học của thủy tinh thể thiết kế theo công nghệ nhiễu xạ</li> <li>- Công suất bổ sung của thủy tinh thể là +1,75D và +3,5D</li> <li>- Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt tiết trùng sẵn, dùng 1 lần</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số Abbe: 42</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số pACD: 5,85 (do bằng phương pháp giao thoa quang học và tính theo công thức Hoffer Q)</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số hằng số A (A-constant): 119,40 (do bằng phương pháp giao thoa quang học và tính theo công thức SRK/T)</li> <li>- Thủy tinh thể đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE và có 2 CFS do Bi, Úc cấp</li> <li>- Thủy tinh thể có xuất xứ Bi (Châu Âu)</li> <li>- Hạn sử dụng của thủy tinh thể là 60 tháng kể từ ngày sản xuất</li> </ul>	Pod F GF (FineVision HP)	16434NK/ BYT-TB-CT ngày 18/09/2020	PhysIOL S.A, Bi	PhysIOL S.A, Bi	Cái	70	22.500.000	1.575.000.000	N06.03.010.3490.125.0012
2	2	PP2400125906	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu cự Micropure 123 kèm dụng cụ đặt nhãn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, một mảnh</li> <li>- Thủy tinh thể có chất liệu Acrylic kỵ nước (acrylic hydrophobic) không có hiện tượng Glistening</li> <li>- Thủy tinh thể có màu vàng, lọc ánh sáng xanh và lọc tia cực tím (UV)</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số khúc xạ: 1,53</li> <li>- Thủy tinh thể có thiết kế 4 càng khép kín</li> <li>- Thủy tinh thể có thiết kế phi cầu 2 mặt lõm</li> <li>- Thủy tinh thể có chiều dài tổng thể trong khoảng từ 10,75mm đến 11mm, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>* Từ 0D đến +24,5D: 11mm</li> <li>* Từ +25D đến +30D: 10,75mm</li> </ul> </li> <li>- Thủy tinh thể có đường kính vùng quang học trong khoảng từ 5,75mm đến 6mm, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>* Từ 0D đến +24,5D: 6mm</li> <li>* Từ +25D đến +30D: 5,75mm</li> </ul> </li> <li>- Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt qua được vết mổ có kích thước trong khoảng 2,2mm - 2,4mm</li> <li>- Thủy tinh thể đảm bảo dải công suất từ 0D đến +30D, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>* Từ 0D đến +9D: bước nhảy 1D</li> <li>* Từ +10D đến +30D: bước nhảy 0,5D</li> </ul> </li> <li>- Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số Abbe: 42</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số pACD: 5,85 (do bằng phương pháp giao thoa quang học và tính theo công thức Hoffer Q)</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số hằng số A (A-constant): 119,40 (do bằng phương pháp giao thoa quang học và tính theo công thức SRK/T)</li> <li>- Thủy tinh thể đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE và có 2 CFS do Bi, Úc cấp</li> <li>- Thủy tinh thể có xuất xứ Bi (Châu Âu)</li> <li>- Hạn sử dụng của thủy tinh thể là 36 tháng kể từ ngày sản xuất</li> </ul>	Micropure 123	16434NK/ BYT-TB-CT ngày 18/09/2020	PhysIOL S.A, Bi	PhysIOL S.A, Bi	Cái	3200	3.500.000	11.200.000.000	N06.03.010.3490.125.0004

STT	Mã HH	Mã phần/lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại/tên thương dùng/tên Tiếng Anh (nếu có)	Quy cách kỹ thuật/dóng gói	Chủng loại (model) / Mã sản phẩm	GPLH/ GPNK	Hãng sản xuất - Nước sản xuất	Hãng /nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã vật tư theo QĐ 5086/QĐ-BYT
3	3	PP2400125907	Thủy tinh thể nhân tạo mềm kéo dài tiêu cự	Thủy tinh thể nhân tạo mềm kéo dài tiêu cự Isopure123 kèm dụng cụ đặt nhãn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đơn tiêu cự, sử dụng công nghệ kéo dài tiêu cự Polynomial</li> <li>- Thủy tinh thể có chất liệu Acrylic kỵ nước (acrylic hydrophobic) không có hiện tượng Glistening</li> <li>- Thủy tinh thể có màu vàng, lọc ánh sáng xanh và lọc tia cực tím (UV)</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số khúc xạ: 1,53</li> <li>- Thủy tinh thể có thiết kế 4 càng khép kín</li> <li>- Thủy tinh thể có thiết kế phi cầu không nhiều xa</li> <li>- Thủy tinh thể có chiều dài tổng thể trong khoảng từ 10,75mm đến 11mm, trong đó: * Từ +10D đến +24,5D: 11mm * Từ +25D đến +30D: 10,75mm</li> <li>- Thủy tinh thể có đường kính vùng quang học trong khoảng từ 5,75mm đến 6mm, trong đó: * Từ +10D đến +24,5D: 6mm * Từ +25D đến +30D: 5,75mm</li> <li>- Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt qua được vết mổ có kích thước trong khoảng 2,2mm - 2,4mm</li> <li>- Thủy tinh thể đảm bảo dài công suất từ +10D đến +30D bước nhảy 0,5D</li> <li>- Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số Abbe: 42</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số pACD: 5,85 (do bằng phương pháp giao thoa quang học và tính theo công thức Hoffer Q)</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số hằng số A (A-constant): 119,40 (do bằng phương pháp giao thoa quang học và tính theo công thức SRK/T)</li> <li>- Thủy tinh thể đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE và có 2 CFS do Bi, Úc cấp</li> <li>- Thủy tinh thể có xuất xứ Bi (Châu Âu)</li> <li>- Hạn sử dụng của thủy tinh thể là 36 tháng kể từ ngày sản xuất</li> </ul>	Isopure 123	16434NK/ BYT-TB-CT ngày 18/09/2020	PhysIOL S.A, Bỉ	PhysIOL S.A, Bỉ	Cái	170	8.850.000	1.504.500.000	N06.03.010.3490.125.0002
4	4	PP2400125908	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu cự Micropure kèm dụng cụ đặt nhãn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, một mảnh</li> <li>- Thủy tinh thể có chất liệu Acrylic kỵ nước (acrylic hydrophobic) không có hiện tượng Glistening</li> <li>- Thủy tinh thể có màu vàng, lọc ánh sáng xanh và lọc tia cực tím (UV)</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số khúc xạ: 1,53</li> <li>- Thủy tinh thể có thiết kế 4 càng khép kín</li> <li>- Thủy tinh thể có thiết kế phi cầu 2 mặt lõm</li> <li>- Thủy tinh thể có chiều dài tổng thể trong khoảng từ 10,75mm đến 11mm, trong đó: * Từ -10D đến +24,5D: 11mm * Từ +25D đến +35D: 10,75mm</li> <li>- Thủy tinh thể có đường kính vùng quang học trong khoảng từ 5,75mm đến 6mm, trong đó: * Từ -10D đến +24,5D: 6mm * Từ +25D đến +35D: 5,75mm</li> <li>- Dụng cụ đặt cung cấp kèm theo thủy tinh thể qua được vết mổ từ 2,0mm đến 2,2mm</li> <li>- Thủy tinh thể đảm bảo dài công suất từ -10D đến +35D, trong đó: * Từ -10D đến +9D: bước nhảy 1D * Từ +10D đến +30D: bước nhảy 0,5D * Từ +31D đến +35D: bước nhảy 1D</li> <li>- Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt tiết trùng sẵn, dùng 1 lần</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số Abbe: 42</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số pACD: 5,85 (do bằng phương pháp giao thoa quang học và tính theo công thức Hoffer Q)</li> <li>- Thủy tinh thể có chỉ số hằng số A (A-constant): 119,40 (do bằng phương pháp giao thoa quang học và tính theo công thức SRK/T)</li> <li>- Thủy tinh thể đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE và có 2 CFS do Bi, Úc cấp</li> <li>- Thủy tinh thể có xuất xứ Bi (Châu Âu)</li> <li>- Hạn sử dụng của thủy tinh thể là 60 tháng kể từ ngày sản xuất</li> </ul>	Micropure	16434NK/ BYT-TB-CT ngày 18/09/2020	PhysIOL S.A, Bỉ	PhysIOL S.A, Bỉ	Cái	600	2.965.000	1.779.000.000	N06.03.010.3490.125.00010
Danh mục gồm 04 mặt hàng											Giá trị	16.058.500.000		
<i>Bảng chữ: Mười sáu tí không trăm năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng.</i>														

Phụ lục 2

PHỤ LỤC TÊN ĐƠN VỊ TRÚNG THẦU VÀ GIÁ TRÚNG THẦU

Gói thầu số 3: Mua sắm tập trung thủy tinh thể nhân tạo cho các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế từ Quý III năm 2024 đến hết Quý II năm 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVM ngày tháng 10 năm 2024 của Bệnh viện Mắt Bình Định)

Tên nhà thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỨC KHỎE TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số nhà 480, đường Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại/Fax: 024.37534186

Email: globalhealthcare.ghs@gmail.com

Mã số thuế: 0107286256

STT	Mã HH	Mã phân/lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại/tên thường dùng/tên Tiếng Anh (nếu có)	Quy cách kỹ thuật/dóng gói	Chủng loại (model) / Mã sản phẩm	GPLH/ GPNK	Hãng sản xuất - Nước sản xuất	Hãng /nước chủ sở hữu	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã vật tư theo QĐ 5086/QĐ-BYT
1	5	PP2400125909	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu	Thủy tinh thể đơn tiêu mềm, một mảnh LENTIS® LS-313Y	- Chất liệu: HydroSmart® Protect, hợp chất Acrylic (Acrylates) với bề mặt kỵ nước, lọc tia cực tím (UV) và ánh sáng tím (violet light). - Thiết kế: Một mảnh mềm bờ vuông mặt sau 360 độ liên tục, dạng đĩa (Plate Design). Kính (optic) 2 mặt lồi, phi cầu mặt sau. Góc càng (Haptic Angulation) 0 độ. - Kích thước kính: 6.0mm - Chiều dài: 11 mm - Dài công suất: ±0.0D tới +35.0D (1.0D) +15.5D tới +26.5D (0.5D) - Chỉ số khúc xạ: 1.46 - Hằng số A = 118.0 - Kích thước vết mổ: ≥ 1.8mm - Kèm dụng cụ đặt kính	LS-313Y	14224NK/ BYT-TB-CT ngày 09/12/2019	Teleon Surgical B.V. / Hà Lan	Teleon Surgical B.V. / Hà Lan	Cái	500	2.950.000	1.475.000.000	N06.03.010.4140.173.0002
2	12	PP2400125916	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đa tiêu	Thủy tinh thể đa tiêu khúc xạ toàn phần không đối xứng LENTIS® Comfort LS-313 MF15	- Chất liệu: HydroSmart®, hợp chất Acrylic (Acrylates) với bề mặt kỵ nước, lọc tia cực tím (UV). - Thiết kế: Một mảnh, mềm dạng phiến (Plate design). Điểm tựa bờ vuông, hiệu ứng chặn 360 độ liên tục mặt sau. - Kính công suất (+) 2 mặt lồi. - Kính công suất (-) một mặt lõm, một mặt lồi. - Phi cầu mặt sau, Vùng nhìn gần hình quạt mặt trước: +1.5D. Góc càng (Haptic Angulation) 0 độ. - Kích thước kính: 6.0 mm - Chiều dài: 11.0 mm - Dài công suất: -10.0D tới -1.0D (1.0D) ± 0.0 D tới +36.0D (0.5D) - Chỉ số khúc xạ: 1.46 - Hằng số A: 118.0 - Kích thước vết mổ: ≥ 1.8mm - Kèm dụng cụ đặt kính	LS-313 MF15	14224NK/ BYT-TB-CT ngày 09/12/2019	Teleon Surgical B.V. / Hà Lan	Teleon Surgical B.V. / Hà Lan	Cái	150	8.800.000	1.320.000.000	N06.03.010.3490.125.0004
Danh mục gồm 02 mặt hàng												Giá trị	2.795.000.000	
<b>Bảng chữ: Hai tỉ bảy trăm chín mươi lăm triệu đồng.</b>														

**Phụ lục 3**

**PHỤ LỤC TÊN ĐƠN VỊ TRÚNG THẦU VÀ GIÁ TRÚNG THẦU**

**Gói thầu số 3: Mua sắm tập trung thủy tinh thể nhân tạo cho các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế từ Quý III năm 2024 đến hết Quý II năm 2025**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVM ngày tháng 10 năm 2024 của Bệnh viện Mắt Bình Định)*

**Tên nhà thầu: CÔNG TY TNHH Y TẾ VIỆT TIẾN**

Địa chỉ: 6/1 Đường số 6, Phường 15, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại/Fax: 028 3900 7008

Email: order@vthealthcare.vn

Mã số thuế: 0301445732

STT	Mã HH	Mã phần/lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại/tên thường dùng/tên Tiếng Anh (nếu có)	Quy cách kỹ thuật/dóng gói	Chủng loại (model) / Mã sản phẩm	GPLH/ GPNK	Hãng sản xuất - Nước sản xuất	Hãng /nước chủ sở hữu	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã vật tư theo QĐ 5086/QĐ-BYT
1	6	PP2400125910	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo CT LUCIA 621PY	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic không ngậm nước. 3. Màu sắc: Màu vàng, lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng xanh. 4. Chỉ số khúc xạ: 1.49. 5. Thiết kế: 2 càng, góc càng 0° 6. Đặc điểm: Phi cầu, bờ vuông 360°. 7. Chiều dài thủy tinh thể: 13 mm. 8. Đường kính thủy tinh thể: 6.0 mm. 9. Kích thước vết mổ: 2.2mm đến 2.6 mm. 10. Dải công suất: +0.0 D đến +34.0 D bước nhảy 0.5 D. 11. Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt. 12. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE. Xuất xứ Mỹ	CT LUCIA 621PY	2301541Đ KLH/ BYT- HTTB ngày 20/11/2023	Carl Zeiss Meditec Production, LLC / Mỹ	Carl Zeiss Meditec AG/Đức	Cái	3.000	2.500.000	7.500.000.000	N06.03.010.0 657.175.0007
2	7	PP2400125911	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo CT ASPHINA 409MP	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic ngậm nước 25%, với bề mặt không ngậm nước. 3. Màu sắc: Trong suốt, lọc tia cực tím (UV). 4. Chỉ số khúc xạ: 1.46. 5. Thiết kế: Bờ vuông 360°, góc càng 0°. 6. Đặc điểm: Phi cầu, cầu sai trung tính. 7. Chiều dài thủy tinh thể: 11.0 mm. 8. Đường kính optic: 6.0 mm. 9. Kích thước vết mổ: 1.8 mm. 10. Dải công suất: +0.0 D đến +32.0D. 11. Thủy tinh thể lắp sẵn trong dụng cụ đặt. 12. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE. Xuất xứ Đức, Pháp	CT ASPHINA 409MP	17653NK/ BYT-TB- CT ngày 03/03/2021	Carl Zeiss Meditec SAS - Pháp; Carl Zeiss Meditec AG - Đức; Pháp	Carl Zeiss Meditec AG/Đức	Cái	3.000	2.178.000	6.534.000.000	N06.03.010.0 658.240.0009; N06.03.010.0 655.155.0007

STT	Mã HH	Mã phân/lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại/tên thường dùng/tên Tiếng Anh (nếu có)	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Chủng loại (model) / Mã sản phẩm	GPLH/ GPNK	Hãng sản xuất - Nước sản xuất	Hãng /nước chủ sở hữu	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã vật tư theo QĐ 5086/QĐ-BYT
3	10	PP2400125914	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo CT LUCIA 621PY	<ol style="list-style-type: none"> <li>Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh.</li> <li>Chất liệu: Acrylic không ngấm nước, lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng xanh.</li> <li>Chỉ số khúc xạ: 1.49. Chỉ số cầu sai - 0,12μm.</li> <li>Thiết kế: 2 càng, góc càng 0°, bờ vuông.</li> <li>Chiều dài thủy tinh thể: 13 mm.</li> <li>Đường kính optic: 6.0 mm.</li> <li>Kích thước vết mổ : 2.2mm đến 2.6mm.</li> <li>Dải công suất: +0.0 D đến +34.0D (bước nhảy 0.5D).</li> <li>Thủy tinh thể đặt sẵn trong dụng cụ đặt kính.</li> <li>Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE. Xuất xứ Mỹ.</li> </ol>	CT LUCIA 621PY	2301541Đ KLH/ BYT- HTTB ngày 20/11/2023	Carl Zeiss Meditec Production, LLC / Mỹ	Carl Zeiss Meditec AG/Đức	Cái	1.130	2.500.000	2.825.000.000	N06.03.010.0657.175.0007
<b>Danh mục gồm 03 mặt hàng</b>												<b>Giá trị</b>	<b>16.859.000.000</b>	
<b>Bảng chữ: Mười sáu tỉ tám trăm năm mươi chín triệu đồng.</b>														

**Phụ lục 4**  
**PHỤ LỤC TÊN ĐƠN VỊ TRÚNG THẦU VÀ GIÁ TRÚNG THẦU**  
**Gói thầu số 3: Mua sắm tập trung thủy tinh thể nhân tạo cho các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế từ Quý III năm 2024 đến hết Quý II năm 2025**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVM ngày tháng 10 năm 2024 của Bệnh viện Mắt Bình Định)

**Tên nhà thầu: CÔNG TY TNHH MEDITEX VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Sky Tower N03, Phố Nguyễn Bá Khoản, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: 0868900246 Email: ketoan1@meditex.com Mã số thuế: 0107705972

STT	Mã HH	Mã phần/lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại/tên thường dùng/tên Tiếng Anh (nếu có)	Quy cách kỹ thuật/dóng gói	Chủng loại (model) / Mã sản phẩm	GPLH/ GPNK	Hãng sản xuất - Nước sản xuất	Hãng /nước chủ sở hữu	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã vật tư theo QĐ 5086/QĐ-BYT
1	9	PP2400125913	Thủy tinh thể nhân tạo mềm kéo dài tiêu cự	Thủy tinh thể nhân tạo mềm Tecnis Eyhance	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu kéo dài tiêu cự, trong suốt, tăng cường tầm nhìn trung gian, 1 mảnh, phi cầu. 2. Chất liệu Acrylic không ngấm nước. 3. Màu sắc: không màu, lọc tia UV. 4. Chỉ số khúc xạ: 1.47. Chỉ số cầu sai: -0.27µm. 5. Đặc điểm: Càng chữ C, góc càng 0°. 6. Chiều dài tổng 13mm. 7. Đường kính thấu kính 6mm. 8. Vết mờ: 2.2mm - 2.4 mm 9. Dải công suất: +5.0D đến +34.0D, bước nhảy 0.5D 10. Dùng kèm Injector kiểu xoay. 11. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE. Xuất xứ: Mỹ	ICB00	2301237ĐK-LH/BYT-HTTB ngày 11/10/2023	AMO Puerto Rico Manufacturing Inc. / Mỹ	Johnson & Johnson Surgical Vision / Mỹ	Cái	700	5.200.000	3.640.000.000	N06.03.010.0196.175.0003
<b>Danh mục gồm 01 mặt hàng</b>												<b>Giá trị</b>	<b>3.640.000.000</b>	
<b>Bảng chữ: Ba tỉ sáu trăm bốn mươi triệu đồng.</b>														

**Phụ lục 5**  
**PHỤ LỤC TÊN ĐƠN VỊ TRÚNG THẦU VÀ GIÁ TRÚNG THẦU**  
**Gói thầu số 3: Mua sắm tập trung thủy tinh thể nhân tạo cho các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế từ Quý III năm 2024 đến hết Quý II năm 2025**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVM ngày tháng 10 năm 2024 của Bệnh viện Mắt Bình Định)

**Tên nhà thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Căn hộ số 501 Nhà 2 - 67B Lương Thế Vinh, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: 02435578555 Email: linh.vu@thientruongcorp.com Mã số thuế: 0101442741

STT	Mã HH	Mã phân/lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại/tên thường dùng/tên Tiếng Anh (nếu có)	Quy cách kỹ thuật/dóng gói	Chủng loại (model) / Mã sản phẩm	GPLH/ GPNK	Hãng sản xuất - Nước sản xuất	Hãng /nước chủ sở hữu	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã vật tư theo QĐ 5086/QĐ-BYT
1	11	PP2400125915	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, không ngấm nước, màu trong suốt	1.Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic không ngấm nước (hydrophobic). 3. Màu sắc: Không màu, lọc tia cực tím (UV). 4. Chỉ số khúc xạ: 1.47 5. Thiết kế: 2 càng, góc càng 0°. 6. Đặc điểm: bờ vuông 360°. 7. Chiều dài thủy tinh thể: 13 mm. 8. Đường kính optic: 6.0 mm. 9. Kích thước vết mổ: 2.2 đến 2.4 mm. 10. Dải công suất: Từ 0 D đến +35.0 D. 11. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) 12. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE Xuất xứ Châu Âu	877FAB	2402333ĐKLH /BYT-HTTB ngày 30/08/2024	MEDICONTUR Medical Engineering Ltd. - Hungary	MEDICONTUR R Medical Engineering Ltd. - Hungary	Cái	500	1.520.000	760.000.000	N06.03.010.2978.177.0012
<b>Danh mục gồm 01 mặt hàng</b>												<b>Giá trị</b>	<b>760.000.000</b>	
<b>Bảng chữ: Bảy trăm sáu mươi triệu đồng.</b>														